

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 29 - 01 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Bà Lê Thanh Xuân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST-HS, ngày 26 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

- Phạm Đăng K, sinh năm: 1997 tại huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Thợ sửa ô tô; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị O; bị cáo khai tại phiên tòa có vợ tên Nguyễn Hồng TM, sinh năm: 1996 nhưng chưa đăng ký kết hôn, con đã thành thai khoảng 05 – 06 tháng; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1970 và bà Trịnh S, sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Ông Phạm Ngọc Châu, sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1938, địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Đăng K là thợ sửa xe ô tô làm việc tại Công ty TNHH MTV Á Âu, tọa lạc tại đường Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; vào khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 19/10/2018 K đi từ Công ty nơi làm việc về nhà để mời đám cưới của K. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày K xuống xe tại bến xe Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để đi đến nhà của ông Nguyễn Quốc H và bà Trịnh S để gửi thiệp mời cho bạn Nguyễn Quốc Kh con ruột ông H, bà S. Do K với Kh có mối quan hệ bạn bè với nhau từ trước nên cũng quen biết ông H bà S, đến nhà K không gặp được Kh mà gặp vợ chồng ông H, bà S và em gái của Kh là Nguyễn Hồng Ng có trò chuyện qua lại với nhau, do bên ngoài trời đang mưa nên K nhờ Nguyễn hỏi cha Nguyễn là ông H mượn chìa khóa mở cửa phòng của Kh để K vào nằm nghỉ chờ mưa tạnh sẽ về. Sau khi vào phòng của Kh, K cất ba lô và nằm bấm điện thoại, K quan sát và phát hiện bên trong ngăn tủ kính bằng gỗ để quần áo có túi nilon màu đỏ in dòng chữ AGRIBANK, K nghĩ bên trong túi nilon có tiền, vì trước đây K đã đến nhà chơi và thấy Kh con của ông H lấy tiền từ trong túi nilon này ra, nên K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, K sử dụng đoạn sắt dẹp dài khoảng 20cm, rộng khoảng 5cm mà K mang theo trong ba lô thường dùng để cạy vật cứng khi sửa xe ô tô cạy cánh cửa tủ mở lấy túi nilon ra bên ngoài, K kiểm tra phát hiện bên trong có tiền nhưng không biết là bao nhiêu, K nhanh chóng đưa túi nilon vào ba lô của K và gắn cánh cửa tủ lại như tình trạng ban đầu nhằm tránh sự phát hiện của gia đình ông H.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K ra khỏi phòng gửi thiệp mời đám cưới lại cho Nguyễn và mượn xe mô tô của ông H chạy về nhà của K ở ấp Long Hòa A1, xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Trên đường đi đến cầu Tám Vui thuộc địa phận xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, K ném bỏ đoạn sắt dùng để cạy cửa tủ nhà ông H xuống kênh. Khi về đến nhà, K kiểm tra bên trong túi nilon vừa lấy trộm nhà ông H có 02 cọc tiền buộc bằng dây thun loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, K cũng không đếm tổng số tiền là bao nhiêu, K lấy 02 cọc tiền ra cất giữ còn túi nilon K ném bỏ ra phía sau nhà; K đưa cho bà Nguyễn Thị Th mẹ ruột của K số tiền 30.000.000 đồng để bà Th mua đồ chuẩn bị làm đám cưới của K, số tiền còn lại K sử dụng mua chiếc xe mô tô Exciter với giá 51.000.000 đồng. Ngày 20/10/2018, K đón xe lên thành phố Hồ Chí Minh để đi làm và mua 01 bếp điện từ trị giá 3.500.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/10/2018 ông Nguyễn Quốc H vào phòng lấy tiền để đi trả nợ Ngân hàng thì phát bị mất tiền nên đến Công an thị trấn Cái Tắc trình báo sự việc. Qua điều tra K đã thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông H, bà S với số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS-HCTA, ngày 25/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố Phạm Đăng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo K. Kiểm

sát viên trình bày quan điểm luận tội, phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; vợ bị cáo đang mang thai chuẩn đoán tháng 4/2019 sinh con; quá trình điều tra bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ thấp nhất hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này ra đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật ở địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 24/01/2019); nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đăng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đăng K mức án từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 đến 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền 145.000.000 đồng, bị hại đã nhận lại xong và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại số tiền bị chiếm đoạt là 145.000.000 đồng xong; trả lại cho mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Th đại diện nhận 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter; 01 bếp điện hồng ngoại nhãn hiệu HAYASA xong, việc xử lý là đúng quy định pháp luật nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Đối với 01 túi nilon màu đỏ có in dòng chữ AGRIBANK là của bị hại, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu nhận lại và là vật không có giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hồ Thị T. Tuy nhiên, quá trình điều tra chứng minh được số tiền bị cáo K chiếm đoạt là bà T giao cho ông H, bà S cất giữ tại nhà ông H, bà S để trả nợ Ngân hàng dùm bà T, bà T đã có cung cấp lời khai rõ ràng và không có yêu

cầu gì cho riêng bà, việc bà T vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đăng K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tình tiết chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến khoảng 13 giờ ngày 19/10/2018 tại nhà của ông Nguyễn Quốc H và bà Trịnh S, cụ thể là trong phòng Kh con của bị hại, bị cáo Phạm Đăng K lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại đã lén lút lấy trộm túi nilon trong đó có đựng tiền Việt Nam theo bị cáo thừa nhận có số tiền 100.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố bị cáo để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi, tính chất, nguyên nhân và mức độ phạm tội: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Nhận thấy bị cáo nhất thời phạm tội nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo tuy lén lút nhưng diễn ra giữa ban ngày, kể cả khi có mặt bị hại trong nhà cho thấy tính xem thường pháp luật của bị cáo nên cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; vợ bị cáo đang mang thai gần đến ngày sinh; quá trình điều tra bị hại có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xin cho bị cáo được hưởng án treo là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét bị cáo có nhân thân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng các chính sách pháp luật của Nhà nước ở địa phương và không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nào khác (có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 24/01/2019); bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác của khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thỏa mãn hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; bị cáo không bỏ trốn nên thỏa mãn các điều kiện được hưởng án treo và không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP,

ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần có mức án nghiêm minh, tương xứng hành vi phạm tội và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[8] Xét về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cho rằng tài sản bị cáo trộm cắp chỉ có số tiền 100.000.000 đồng nhưng bị hại cho rằng bị mất 145.000.000 đồng, bị cáo tự nguyện trả cho bị hại số tiền 145.000.000 đồng xong, bị hại đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là phù hợp nên không xem xét, giải quyết. Hiện còn thu giữ 01 túi nilon màu đỏ có in dòng chữ AGRIBANK là của bị hại, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu nhận lại, đây là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị Th có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng trong quá trình điều tra chứng minh được khi tiêu thụ tài sản bà Th không biết do K phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp, có cơ sở nên không đặt vấn đề xử lý.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đăng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Phạm Đăng K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/01/2019.

Giao bị cáo Phạm Đăng K cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo Phạm Đăng K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định pháp luật.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilon màu đỏ có in dòng chữ AGRIBANK.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Đăng K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/01/2019; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm